

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 17/10/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+VSP01	7:25	12+10	0+0		9+13	0+0	
2		P9+TD3	7:25	18+4	0+0		15+7	0+0	
3		PVD8+TD5+BK6	7:25	5+15+0	0+0+0		0+20+1	0+0+0	
4		GTCL1+CTK3	7:25	7+15	0+0		4+18	0+0	
5		HST+AMD	9:25	3+19	0+0		2+20	0+0	
6		CLO+CTK3+PPD	9:25	1+7+14	0+0+0		0+6+16	0+0+0	chuyen 1 CLO- CTK3chuyen 2 CTK3-PPD
7		PPD+GTCL1+AMD	9:25	10+0+12	0+0+0		4+1+17	0+0+0	
8		CTK3+BK16+TGTH4	9:25	16+5+1	0+0+0		6+7+9	0+0+0	
9		VSP01+P5+PVD8	11:25	20+0+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	chuyen 4 vsp01-p5
10		TD5+P9+PPD	13:25	9+11+1	0+0+0		0+16+6	0+0+0	chuyen 1 td5- p9

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/ Đi về trong ngày GTCL1-Ing, P9-Ing, KNT (PVD8)-5ng

2/Các giàn chú ý: Thẻ VT về bờ dán hành lý và phải ghi họ tên hành khách và nơi xuất phát về bờ. Không có sẽ tạm giữ lại lập danh sách vi phạm nói quy AT bay, sẽ đề nghị trừ thưởng giàn và cá nhân vi phạm



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: TD3 - VSP01	CREW: DUONG - MTHAO - HUY	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4056	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN HAI	TD3	75	1	8			78	KHOAN	Vietnamese
2	TRAN HUU THO	TD3	47	1	4			80	KHOAN	Vietnamese
3	CHU VAN THANG	TD3	42	1	3			68	KHOAN	Vietnamese
4	PHAM HUNG DUONG	TD3	43	1	3			99	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN MANH HUNG	TD3	41	1	5			74	KHOAN	Vietnamese
6	DAO TIEN THIET	TD3	39	1	8			50	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN LE HUU NGOC	TD3	38	1	5	5	70	61	DMC-MI	Vietnamese
8	VU QUANG HIEU	TD3	45	1	5			116	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN PHI HUNG	TD3	76	1	4			79	KHOAN	Vietnamese
10	PHAM DUONG HAI	TD3	44	1	7			67	KHOAN	Vietnamese
11	ZADOROZHNY VLADIMIR	TD3	37	1	5			97	KHOAN	Russian
12	PHAM DANG KHOI	TD3	40	1	10			91	KHOAN	Vietnamese
13	LE TRUNG SON	TD3						74	DIEU HANH	Vietnamese
14	TRUBOCHKIN A.A	VSP01	76-77	2	10			80	KH-THAC	Russian
15	BORVYNSKY ANTOLIY	VSP01	75	1	10			92	KH-THAC	Russian
16	VU QUANG HUY	VSP01	83-84	2	20			77	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM HOANG THANH	VSP01	80	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN HAI HA	VSP01	85	1	7			66	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VIET TUNG	VSP01	81-82	2	11			63	KH-THAC	Vietnamese
20	DANG DUC ANH	VSP01	79	1	6			64	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN NAM SINH	VSP01	78	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN VAN CHAU	VSP01						61	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	13	1.034	12	67	5	70	9		
2	VSP01	9	652	11	75	0	0	13		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.686</b>	<b>23</b>	<b>142</b>	<b>5</b>	<b>70</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.686</b>		<b>142</b>		<b>70</b>			

GRAND TOAL: 1.898 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

VU THI ANH

CREW

BUI HOANG DUONG

MAI VAN THAO





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P9 - TD3	CREW: KHOAN - SON - QTRƯỜNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4060	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	BUI ANH TU	P9	59	1	12	2	37	70	KHOAN	Vietnamese
2	NGO HUNG HAI	P9	75-76	2	15	1	20	73	ANTOAN	Vietnamese
3	BENHELLAL HO TIDJANI MOHAMED S	P9	70	1	20			88	THIEN NAM	Algeria
4	LE ĐỨC TIEN	P9	71	1	10			70	THIEN NAM	Vietnamese
5	DOAN HUU TRUYEN	P9	78	1	4			58	THIEN NAM	Vietnamese
6	VÔ THANH SON	P9	73-74	2	19			61	THIEN NAM	Vietnamese
7	TRẦN VĂN ĐẠI	P9	65	1	10			72	THIEN NAM	Vietnamese
8	ĐÀO HUU HAO	P9	77	1	16			66	THIEN NAM	Vietnamese
9	NGUYEN TAT PHONG	P9	61	1	12			73	THIEN NAM	Vietnamese
10	NGUYEN NGHIA TUONG	P9						69	THIEN NAM	Vietnamese
11	VÔ VĂN CHUNG	P9	72	1	11			66	THIEN NAM	Vietnamese
12	NGUYEN THANG	P9	64	1	7			62	THIEN NAM	Vietnamese
13	VŨ HAI TRIEU	P9	60	1	12			77	THIEN NAM	Vietnamese
14	TRẦN QUỐC TUẤN	P9	62	1	7			75	THIEN NAM	Vietnamese
15	LE VAN QUAN	P9	66-67	2	7			64	THIEN NAM	Vietnamese
16	TRẦN ĐÌNH KHƯƠNG	P9	63	1	10			68	THIEN NAM	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN DUY	P9	79-80	2	8			71	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC MINH	P9	68-69	2	16			82	DVL	Vietnamese
19	VŨ THANH DUONG	TD3	03	1	6			84	DVL	Vietnamese
20	USATENKO DMITRII	TD3	02	1	13			97	DVL	Russian
21	NGUYEN XUAN NGOC	TD3	04	1	7			67	DVL	Vietnamese
22	FOK S.I.	TD3	05	1	9			124	KHOAN	Russian

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAX WT	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	WT				
1	P9	18	1.265	22	196	3	57	15	
2	TD3	4	372	4	35	0	0	7	
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.637</b>	<b>26</b>	<b>231</b>	<b>3</b>	<b>57</b>	<b>22</b>	
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.637</b>		<b>231</b>		<b>57</b>		

GRAND TOAL: 1.925 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN  
PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
B.CARD: VANG-1	TO: PVD8 - TD5 - BK6	CREW: HÙNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:30
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4064	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PROSKALOV MIKHAIL	PVD8						77	D-HANH	Russian
2	SHAIKHUTDINOV ASKAR	PVD8	39	1	7			75	D-HANH	Russian
3	PHAM QUANG TUAN	PVD8						98	D-HANH	Vietnamese
4	IAKHIN RUSTEM	PVD8						79	D-HANH	Russian
5	POPOV ALEXEY	PVD8	40	1	3			77	KH-THAC	Russian
6	ASKAROV DENIS	TD5	16	1	6			79	KHOAN	Russian
7	LÊ VĂN HIÊN	TD5	05	1	7			77	KHOAN	Vietnamese
8	NGÔ VĂN HUY	TD5	07	1	5	1	22	70	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HOÀ	TD5	03	1	7			80	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYỄN PHÙNG QUÊ	TD5	09	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
11	TRẦN QUÂN	TD5	17	1	8			54	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD5	11	1	6			74	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY QUANG	TD5	13-14	2	17			75	DMC-MI	Vietnamese
14	VÕ ĐỨC NGỌC TÂM	TD5	15	1	10			69	DMC-MI	Vietnamese
15	VŨ LONG PHI	TD5	10	1	6			72	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	06	1	11			78	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN HUY DŨNG	TD5	01	1	3			75	KHOAN	Vietnamese
18	HỒ MINH TRINH	TD5	12	1	11			73	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH TÀI	TD5	04	1	12			70	LONG VŨ	Vietnamese
20	LÊ THANH TŨ	TD5	02	1	8			81	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	5	406	2	10	0	0	0		
2	TD5	15	1.097	16	121	1	22	20		
3	BK6	0	0	0	0	1	15	1		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.503</b>	<b>18</b>	<b>131</b>	<b>2</b>	<b>37</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.503</b>		<b>131</b>		<b>37</b>			

GRAND TOAL: 1.671 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIÊN LƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG  
NGUYỄN MINH ĐỨC





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:50
B.CARD: TRANG-1A	TO: GTC1 - CTK3	CREW: LHM - KHAI - DUNG	ETA: 09:40
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4066	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NOVIKOV A.IU	GTC1	500	1	2	2	25	99	ANTOAN	Russian
2	HOANG XUAN HIEU	GTC1	94	1	10	1	19	64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU TAN	GTC1	97	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HIEU TRUNG	GTC1	93	1	4			78	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG TRẦN KHÁNH	GTC1	96	1	4			71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HIỆU	GTC1	99	1	7			61	DK9	Vietnamese
7	DƯƠNG VŨ HẢO	GTC1	98	1	10			63	DK9	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN LAM	CTK3	45	1	14			93	ANTOAN	Vietnamese
9	HOANG NHẬT ANH	CTK3	98,99,800	3	15			55	T-TIN	Vietnamese
10	PHẠM MINH TUẤN	CTK3	47,75	2	12			70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THANH HẢI (10749)	CTK3	08	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC HIỆU	CTK3	03	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH ĐỨC	CTK3	46	1	4	5	80	70	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM NAM HAI	CTK3	04	1	7			86	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ANH TUẤN	CTK3	15	1	5			87	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN THÔNG	CTK3	9-10	2	8			70	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	01	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	05	1	6			53	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	02	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN TRUNG THANH	CTK3	11-12	2	14			84	KH-THAC	Vietnamese
21	BUI THANH HOẠT	CTK3	13	1	11			68	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ TRI NANG	CTK3	14	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	GTC1	7	510	7	45	3	44	4		
2	CTK3	15	1.092	20	125	5	80	18		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.602</b>	<b>27</b>	<b>170</b>	<b>8</b>	<b>124</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.602</b>		<b>170</b>		<b>124</b>			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ KIỀU THU

CREW

LƯU THANH HẢI  
ĐẶNG QUANG KHẢI



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: HST - AMD	CREW: DUONG - MTHAO - HUY	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM25/4057	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN MINH DANG	HST	51-52	2	14			73	TLJOC	Vietnamese
2	PHAM TIEN	HST	49-50	2	12			86	TLJOC	Vietnamese
3	DO TRONG NGHIA	HST	46-48	3	9			67	TLJOC	Vietnamese
4	DUONG NHAT QUANG	AMD	24	1	10	1	20	62	BAB	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC THỊNH	AMD	37	1	8			63	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐÀO MINH TUẤN	AMD	21	1	5			91	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	27	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
8	TRƯƠNG LÊ ANH DUNG	AMD	23	1	13			94	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN THUY	AMD	41	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM XUÂN QUY	AMD	20	1	7			81	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN LƯƠNG HÀ NAM	AMD	25-26	2	9			76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VŨ THUẬT	AMD	40	1	3			66	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH DUNG	AMD	34	1	2			68	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ TRỌNG HÙNG	AMD	32-33	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN KHOA HẬU	AMD	30-31	2	19			92	PHATECO	Vietnamese
16	PHAN THÀNH THAI	AMD	36	1	11			65	PHATECO	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH TRỌNG	AMD	28-29	2	15			76	PHATECO	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH DUNG	AMD	38-39	2	13			65	PHATECO	Vietnamese
19	NGUYỄN HUY HOANG	AMD	18-19	2	13			74	PHATECO	Vietnamese
20	NGUYỄN HUY QUYẾT	AMD	22	1	8			57	PHATECO	Vietnamese
21	BUI VĂN HIỆN	AMD	42	1	7			65	PHATECO	Vietnamese
22	ĐÀO THANH QUANG	AMD	35	1	13			64	PHATECO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	HST	3	226	7	35	0	0	2		
2	AMD	19	1.374	25	184	1	20	20		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.600</b>	<b>32</b>	<b>219</b>	<b>1</b>	<b>20</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.600</b>		<b>219</b>		<b>20</b>			

GRAND TOAL: 1.839 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN QUANG THỊNH

CREW

BUI HOANG DUONG

MAI VĂN THAO



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: CLO - CTK3 - PPD	CREW: XHOAN - SON - QTRƯỜNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 6	VNHS FLIGHT: TM25/4061		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN THANH LUÂN	CLO	31	1	10	2	23	67	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI TRỌNG HỘI	CTK3	44	1	20			65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	01	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ MẬU MÈN	CTK3	200	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ MINH HIẾU	CTK3	42-43	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ NGUYỄN HOANG LONG	CTK3	40	1	18			89	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC BÀU	CTK3	41	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐÌNH ĐỨC TRUNG	CTK3	02	1	11			92	KH-THAC	Vietnamese
9	BIỆN VĂN TRĂNG	PPD	04	1	5	2	17	69	KHI	Vietnamese
10	LA THANH	PPD	01-02	2	9			79	YTE	Vietnamese
11	PHAN VĂN THĂNG	PPD	16	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI NANG PHONG	PPD	07	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN THANH QUANG	PPD	03	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN QUY	PPD	09-10	2	9			70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN KHÁC THÈ	PPD	11	1	4			55	KH-THAC	Vietnamese
16	PHI DUY HOAN	PPD	13	1	7			76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	08	1	8			85	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM NGỌC HAI	PPD	15	1	7			70	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ HỒNG CƯỜNG	PPD						73	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	14	1	8			50	KH-THAC	Vietnamese
21	TRƯỜNG TUẤN HÙNG	PPD						68	KH-THAC	Vietnamese
22	K LY	PPD	12	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CLO	1	67	1	10	2	23	0	2	CHUYEN 1 PAX CLO-CTK3
2	CTK3	7	520	8	83	0	0	6	2	CHUYEN 2 PAX CTK3-PPD
3	PPD	14	986	14	76	2	17	16		
TOTAL		22	1.573	23	169	4	40	22		
WEIGHT KG			1.573		169		40			

GRAND TOAL: 1.782 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

ĐỖ XUÂN HOÀN

PHẠM THÁI SƠN





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
B.CARD: TRANG-2	TO: PPD - GTC1 - AMD	CREW: HUNG - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 11:50
VSP FLIGHT: 7		VNHS FLIGHT: TM25/4065	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	HOANG NHAT QUANG	PPD	27	1	3			73	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN KHAC LAM	PPD	23	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN TAN	PPD	25	1	3			70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN ĐỨC DUNG	PPD	29	1	6			104	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRUONG SON	PPD	26	1	11			78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRUONG GIA TRI	PPD	30	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN NGOC ĐỨC THANG	PPD	28	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRỌNG HOANG	PPD	31	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TRỌNG DUONG	PPD	24	1	7			88	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN MINH	PPD	22	1	12			84	T-TIN	Vietnamese
11	TRUONG DUY TRUNG	AMD	15-16	2	10			61	PHATECO	Vietnamese
12	LE NHU HAI	AMD	07	1	6			72	PHATECO	Vietnamese
13	NGUYEN TUAN PHONG	AMD	12-13	2	10			96	PHATECO	Vietnamese
14	LE THANH PHAT	AMD	14	1	11			67	PHATECO	Vietnamese
15	BACH VAN HUNG	AMD	04	1	9			83	PHATECO	Vietnamese
16	NGUYEN VIET QUY	AMD	09-10	2	8			68	PHATECO	Vietnamese
17	NGUYEN NGOC CUONG	AMD	11	1	5			61	PHATECO	Vietnamese
18	TRAN VAN HUNG	AMD	02-03	2	9			56	PHATECO	Vietnamese
19	TRAN VAN LOI	AMD	01	1	4			59	PHATECO	Vietnamese
20	TRAN VAN HAI	AMD	05	1	15			68	PHATECO	Vietnamese
21	L.Y THANH QUAN	AMD	08	1	9			70	PHATECO	Vietnamese
22	NGUYEN MINH TAI	AMD	06	1	10			53	PHATECO	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	10	778	10	63	0	0	4		
2	GTC1	0	0	0	0	0	0	1		
3	AMD	12	814	16	106	0	0	17		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.592</b>	<b>26</b>	<b>169</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.592</b>		<b>169</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.761 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

BÙI THỊ HIỀN LƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HUNG  
NGUYỄN MINH ĐỨC





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 10:10
B.CARD: VANG-2	TO:CTK3 - BK16 - TGTH4	CREW: LHM - KHAI - DUNG	ETA: 12:00
VSP FLIGHT: 8		VNHS FLIGHT: TM25/4067	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TONG TIEN QUANG	CTK3	01	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG HOANG ANH	CTK3	05	1	12			85	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN ANH TUAN	CTK3	04	1	12			62	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH TUAN	CTK3	17	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI CONG THANG	CTK3	02	1	11			61	KH-THAC	Vietnamese
6	LE TRUONG HAU	CTK3	11	1	10	1	18	79	MERMAID	Vietnamese
7	TRAN VAN THUC	CTK3	10	1	12			68	MERMAID	Vietnamese
8	DUONG MANH HIEN	CTK3	08-09	2	14			63	MERMAID	Vietnamese
9	PHAN THANH GIANG	CTK3	07	1	10			56	XAYLAP	Vietnamese
10	LE CONG BANG	CTK3	20-21	2	17			61	XAYLAP	Vietnamese
11	CHE NGOC TU	CTK3	18	1	7	1	15	75	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN VIET TOAN	CTK3	15	1	10	1	12	69	XAYLAP	Vietnamese
13	TRAN QUOC VAN	CTK3	13	1	7	1	15	72	XAYLAP	Vietnamese
14	DO VAN KHANH	CTK3	12	1	5			77	PSV	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN ANH	CTK3	06	1	6			80	PSV	Vietnamese
16	TA HONG GIANG	CTK3	23	1	4			64	PSV	Vietnamese
17	LUU VAN SON	BK16	78	1	5	1	20	71	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN LIEU	BK16	77	1	5			77	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET TIEN	BK16	75-76	2	12			68	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN TRUNG KIEN	BK16	79	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DINH CHIEN	BK16	74	1	4			73	PSV	Vietnamese
22	NGUYEN TRAN HA	TGTH4	78-79	2	16			76	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	CTK3	16	1.116	18	147	4	60	6		
2	BK16	5	357	6	33	1	20	7		
3	TGTH4	1	76	2	16	0	0	9		
TOTAL		22	1.549	26	196	5	80	22		
WEIGHT KG			1.549		196		80			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

NGUYEN PHUONG ANH

CREW

LUU THANH HAI   
 ĐẶNG QUANG KHAI



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: XANH-3	TO: VSP01 - P5 - PVD8	CREW: TUYEN - HTRUNG - HIEU	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 9		VNHS FLIGHT: TM25/4058	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	PHAN VAN TRUONG	VSP01	04	1	8			60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG HA	VSP01	16	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
3	VU HAI ĐANG	VSP01	10	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
4	TRINH TIEN BINH	VSP01	02	1	8			94	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN THANH LOI	VSP01	05	1	6			77	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG PHUC LUONG	VSP01						84	KH-THAC	Vietnamese
7	LE THANH TUAN	VSP01	08	1	6			74	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC LAN	VSP01						72	KH-THAC	Vietnamese
9	ARTIUSHIN	VSP01	15	1	13			88	ANTOAN	Russian
10	NGUYEN THANH TUNG	VSP01	06	1	7			72	KH-THAC	Vietnamese
11	LE TRAN BINH	VSP01	13	1	3			72	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN TAN SANG	VSP01	14	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DUY ĐONG	VSP01	07	1	4			72	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN THANH HA	VSP01	19	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN TRONG NAM	VSP01	11-12	2	12			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN TUYEN	VSP01						74	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THUONG HAI	VSP01	09	1	3			51	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN THUY	VSP01						68	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐANG MINH TAM	VSP01	17-18	2	20			61	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐANG VIET THANH	VSP01	01	1	7			62	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN DUC THIEN	VSP01	03	1	8			65	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	VSP01	21	1.516	19	126	0	0	16		CHUYEN 4 PAX VSP01-P5
2	P5	0	0	0	0	0	0	0		
3	PVD8	0	0	0	0	0	0	5		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.516</b>	<b>19</b>	<b>126</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.516</b>		<b>126</b>		<b>0</b>			

GRAND TOAL: 1.642 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN   
 NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 17/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 14:30
B.CARD: TIM-4	TO: TD5 - P9 - PPD	CREW: TUYỀN - HTRUNG - HIẾU	ETA: 16:20
VSP FLIGHT: 10		VNHS FLIGHT: TM25/4059	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	KIỀU TUẤN ANH	TD5	24-25	2	12			84	DVL	Vietnamese
2	VƯƠNG KIẾN QUỐC	TD5	27	1	11			80	DVL	Vietnamese
3	TRƯỜNG QUỐC THẮNG	TD5	26	1	18			85	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN THU	TD5	23	1	14			66	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN NAM (CN)	TD5	30-31	2	20			70	DVL	Vietnamese
6	VŨ VĂN TRUNG	TD5	21-22	2	20			77	DVL	Vietnamese
7	TRẦN VĂN THUẬT	TD5	29	1	14			78	DVL	Vietnamese
8	VŨ QUỐC VIỆT	TD5	28	1	4			81	PSV	Vietnamese
9	ĐÌNH VĂN THẮNG	TD5	20	1	4			74	PSV	Vietnamese
10	KARIMOV TAGIR	TD5	19	1	13			94	D-HANH	Russian
11	HOANG THANH SƠN	P9	52	1	12			66	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐỖ NHẬT QUI	P9	50	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HOÀN	P9	49	1	17	2	8	70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN CAO KHÁNH	P9	47,87	2	17			82	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN QUY	P9	26-27	2	17			71	XAYLAP	Vietnamese
16	MAI TRỌNG HAI	P9	22-23	2	13			63	XAYLAP	Vietnamese
17	BUI MẠNH HAI	P9	18-19	2	17			51	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI VĂN TUẤN	P9	53	1	5			63	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ LÊ NGỌC HOÀNG	P9	55	1	4			54	PSV	Vietnamese
20	PHẠM VĂN CƯỜNG	P9	54	1	7			66	THIÊN NAM	Vietnamese
21	TRẦN BAO CHUÔNG	PPD	34-35	2	20			69	T-TIN	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD5	10	789	13	130	0	0	0	1	CHUYỂN 1 PAX TD5-P9
2	P9	10	654	14	123	2	8	16		
3	PPD	1	69	2	20	0	0	6		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.512</b>	<b>29</b>	<b>273</b>	<b>2</b>	<b>8</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.512</b>		<b>273</b>		<b>8</b>			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ ÁNH

CREW

NGUYỄN DUY TUYỀN

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG